TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 429/2025/DS-PT
Ngày: 15/7/2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Dũng.

Bà Kiều Kim Xuân.

- Thư ký phiên tòa:

Bà Phan Thị Kim Loan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà:

Bà Phan Thị Thanh Mến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15/7/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 620/2024/TLPT-DS ngày 26/11/2024 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 170/2024/DS-ST ngày 21/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (cũ) bị kháng cáo.

Theo các Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 743/2024/QĐ-PT ngày 18/12/2024 và Quyết định số 394/2025/QĐ-PT ngày 30/6/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Phạm Đình B, sinh năm 1992 *(có mặt)*.

Địa chỉ: Ấp 6, H, xã X, huyện M, tỉnh Đồng Tháp (cũ).

Người đại diện theo uỷ quyền của anh B:

Lê Thị Mỹ Tú, sinh năm 1982 *(có mặt)*.

Địa chỉ: Số 126C, khóm Q, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Tháp (cũ).

(Theo Hợp đồng uỷ quyền được chứng thực số 402, quyển số 02/2024-SCT/HĐ, GD tại UBND phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (cũ)).

- Bị đơn:

1. Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1991 *(có mặt)*.

2. Nguyễn Minh R, sinh năm 1959 *(có mặt)*.

Cùng địa chỉ: Số 37, đường D, tổ 20, ấp K, xã A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (cũ).

Chỗ ở hiện nay: Số 438D/4, ấp B, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (cũ).

Người kháng cáo: Các bị đơn Nguyễn Thị Kiều T, Nguyễn Minh R.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, nguyên đơn Phạm Đình B trình bày:

Vào ngày 26/4/2024, do quen biết với nhau nên vợ chồng chị T, anh R có gặp anh B để vay tiền với số tiền 750.000.000 đồng, có làm hợp đồng vay. Sau khi làm hợp đồng vay thì anh B đã giao đủ số tiền vay trên cho chị T, anh R và cam kết sẽ thực hiện việc đóng lãi cũng như việc thanh toán vốn gốc đúng thời gian như đã thoả thuận trong hợp đồng. Thời hạn vay mà chị T, anh R cam kết là 01 tháng (từ ngày 26/4/2024 đến ngày 26/5/2024), lãi suất vay thoả thuận là 1%/tháng. Tuy nhiên, sau khi vay chị T, anh R không đóng lãi và không trả tiền như cam kết, đã nhiều lần anh B yêu cầu chị T, anh R trả nợ nhưng chị T, anh R lẩn tránh, không có thiện chí trả nợ. Hiện số tiền gốc mà chị T, anh R còn nợ của anh B là 750.000.000 đồng.

Nay anh Phạm Đình B yêu cầu chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Nguyễn Minh R trả cho anh B số tiền nợ gốc là 750.000.000 đồng và tiền lãi, với lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 26/5/2024 đến ngày 16/8/2024 là 02 tháng 21 ngày với số tiền là 16.807.500 đồng. Tổng cộng tiền nợ gốc và tiền lãi là 766.807.500 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi trả nợ xong. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

- Bị đơn là Nguyễn Minh R, Nguyễn Thị Kiều T trình bày:

Anh Nguyễn Minh R, chị Nguyễn Thị Kiều T thừa nhận có ký tên hợp đồng vay tiền ngày 26/4/2024, có nợ số tiền 750.000.000 đồng của anh Phạm Đình B. Tuy nhiên, chỉ nợ số tiền gốc là 400.000.000 đồng, còn số tiền 350.000.000 đồng là tiền lãi của khoản nợ trước đó trong khoản tiền mượn 1,4 tỷ đồng, đã trả được 01 tỷ đồng xong, còn nợ 400.000.000 đồng. Đến nay anh R, chị T chưa trả số tiền 750.000.000 đồng cho anh B.

Nay anh Nguyễn Minh R, chị Nguyễn Thị Kiều T chỉ đồng ý trả 400.000.000 đồng cho anh Phạm Đình B, không đồng ý trả khoản tiền nào khác. Ngoài ra không yêu cầu gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 170/2024/DS-ST ngày 21/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Phạm Đình B.

2. Buộc chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Nguyễn Minh R có nghĩa vụ phải trả cho anh Phạm Đình B số tiền tổng cộng 750.000.000 đồng và tiền lãi là 24.070.000 đồng. Tổng cộng 774.070.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Nguyễn Minh R phải chịu 34.963.000 đồng là tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Phạm Đình B được nhận lại số tiền 17.150.000 đồng theo biên lai thu

tạm ứng án phí lệ phí Toà án số 0012481, ngày 19/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo; quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Kiều T, anh Nguyễn Minh R kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần Bản án sơ thẩm với lý do: Theo hợp đồng vay tài sản ngày 26/4/2024, chị T và anh R có vay của anh B số tiền 400.000.000 đồng, nhưng chị T, anh R không có giữ biên nhận mà giao cho anh B giữ bản chính. Sau khi anh B kiện chị T, anh R ra Toà án thì chị T, anh R mới biết là anh B đã cạo sửa từ 400.000.000 đồng thành 750.000.000 đồng và còn viết thêm nội dung "Tôi có điều chỉnh số tiền vay thành 750.000.000 đồng". Nội dung chỉnh sửa này không được chị T, anh R ký nháy vào. Đây là nội dung anh B tự ý viết thêm, nên chị T, anh R không có nợ số tiền như anh B yêu cầu. Chị T, anh R chỉ thừa nhận có nợ anh B số tiền 400.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh Phạm Đình B trình bày: Trong quá trình Toà án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án thì anh không thoả thuận được đối với các bị đơn. Anh B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Tuy nhiên, anh đồng ý giảm số tiền yêu cầu là giảm hết phần lãi cho bị đơn.

Chị Nguyễn Thị Kiều T, anh Nguyễn Minh R trình bày: Chị T và anh R giữ nguyên kháng cáo, chỉ đồng ý trả cho anh B số tiền 400.000.000 đồng. Đối với Hợp đồng vay tiền ngày 26/4/2024 thì khi anh B sửa ghi thêm nội dung: "Tôi có điều chỉnh số tiền vay thành 750.000.000 đồng" anh R, chị T có chứng kiến tại thời điểm sửa. Anh R khai là anh có giữ 01 bản Hợp đồng vay tiền trên.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật từ khi thụ lý giải quyết vụ án để xét xử phúc thẩm đến trước thời điểm nghị án.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên toà: Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm vụ án dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người đại diện theo quy định đã thực hiện đúng Điều 85, 86, Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Anh R, chị T thừa nhận có ký hợp đồng vay ngày 26/4/2024, với số tiền vay anh B là 750.000.000 đồng, nhưng cho rằng trong đó có 400.000.000 đồng là số tiền còn nợ của số tiền nợ gốc vay trước là 1.400.000.000 đồng (đã trả được 1.000.000.000 đồng), còn số tiền 350.000.000 đồng là số tiền lãi của 1.400.000.000 đồng. Nhưng anh Phạm Đình B không thừa nhận lời trình bày này của anh R, chị T. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng

cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Tại phiên toà phúc thẩm lần trước, anh R, chị T có yêu cầu cho dừng phiên toà để giám định tờ giấy tính tiền. Tuy nhiên, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp có Công văn số 397/KTHS ngày 26/6/2025 từ chối giám định do không đủ mẫu so sánh và xác định "Toà án không còn mẫu so sánh để cung cấp thêm cho Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đồng Tháp do đương sự Nguyễn Minh R xác nhận không cung cấp thêm tài liệu mẫu so sánh". Do đó, Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh B là phù hợp quy định của pháp luật. Kháng cáo của anh R, chị T là không có cơ sở. Tuy nhiên, tại phiên toà nguyên đơn Phạm Đình B đồng ý giảm phần lãi suất 20.070.000 đồng, bị đơn không phản đối, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn. Tuy nhiên đề nghị sửa cách tuyên về lãi suất chậm thi hành án theo đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất và phạt vi phạm.

Từ những phân tích trên, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 170/2024/DS-ST ngày 21/9/2024 của Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn giảm lãi cho bị đơn và sửa lại cách tuyên án về lãi suất chậm thi hành án. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Phạm Đình B. Buộc các bị đơn Nguyễn Thị Kiều T, Nguyễn Minh R trả cho nguyên đơn Phạm Đình B số tiền 750.000.000 đồng. Giải quyết án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Phạm Đình B khởi kiện đối với chị Nguyễn Thị Kiều T, anh Nguyễn Minh R về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật. Chị Kiều T, anh R kháng cáo trong thời hạn luật định.

[2] Anh B trình bày là có cho chị T, anh R vay số tiền 750.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng, nên yêu cầu chị T và anh R phải trả số tiền vốn 750.000.000 đồng và tiền lãi 16.807.500 đồng. Đối với chị T, anh R cho rằng chỉ có vay của anh B số tiền 400.000.000 đồng, nên chỉ đồng ý trả số tiền 400.000.000 đồng, không đồng ý trả 350.000.000 đồng vì đây là tiền lãi của 1.400.000.000 đồng.

[3] Theo hợp đồng vay tiền ngày 26/4/2024 có ghi là các bên tự nguyện cùng nhau lập và ký kết hợp đồng vay tài sản này với nội dung thỏa thuận cụ thể là Bên cho vay (bên A) anh Phạm Đình B, Bên vay (bên B) chị Nguyễn Thị Kiều T, anh Nguyễn Minh R. Bên A đồng ý cho bên B vay và bên B đồng ý vay số tiền 750.000.000 đồng. Tại trang 01 của hợp đồng, anh B viết thêm nội dung (viết tay) "Tôi có điều chỉnh số tiền vay là 750.000.000 đồng (bảy trăm năm mươi triệu đồng)". Tại đơn kháng cáo ngày 30/9/2024, chị T và anh R trình bày theo hợp đồng vay ngày 26/4/2024 vợ chồng chị T, anh R chỉ có vay số tiền 400.000.000 đồng, do

tin tưởng nên vợ chồng chị T không có giữ biên nhận mà giao cho anh B giữ bản chính, sau khi anh B khởi kiện thì mới biết anh B đã cạo sửa từ 400.000.000 đồng thành 750.000.000 đồng và còn ghi thêm nội dung "Tôi có điều chỉnh số tiền vay thành 750.000.000 đồng", bị đơn cho rằng đây là nội dung mà anh B tự ý viết thêm vào, không có việc bị đơn nợ số tiền như anh B đã yêu cầu.

Tuy nhiên, tại phiên toà phúc thẩm anh R khai là việc anh B sửa, viết bổ sung vào hợp đồng đoạn: "Tôi có điều chỉnh số tiền vay là 750.000.000 đồng (bảy trăm năm mươi triệu đồng)" thì anh có chứng kiến tại ngày 26/4/2024, anh R biết rõ việc ghi sửa, bổ sung này và hợp đồng vay này anh R có giữ 01 bản. Như vậy, việc anh B sửa, ghi thêm nội dung trên có sự đồng ý của anh R, chị T, nên anh R, chị T cho rằng khi Toà án giải quyết thì mới biết anh B sửa, ghi thêm nội dung trên là không có cơ sở. Tại phiên toà phúc thẩm, anh R, chị T còn trình bày là do tin tưởng nên mỗi bên giữ 01 bản hợp đồng có sửa chữa như nhau.

Anh R, chị T khai có nhờ anh B vay tiền Ngân hàng và có nhận tiền vay là 1.400.000.000 đồng, anh chị đã trả được 1.000.000.000 đồng, chỉ còn nợ tiền gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi là 350.000.000 đồng nhưng thừa nhận là không có chứng cứ chứng minh nội dung này. Tại phiên toà phúc thẩm, anh R có yêu cầu giám định chữ viết (chữ và số) trong tờ giấy viết tay có dòng đầu tiên ghi "1,4 tỷ x 51 ngày = 357" là chữ viết của anh Phạm Đình B để làm cơ sở chứng minh có nội dung nói trên. Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành các thủ tục giám định theo quy định. Tuy nhiên, tại Công văn số 397/KTHS ngày 26/6/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp đã trả lời từ chối giám định do tài liệu được cung cấp không đầy đủ để tiến hành giám định theo nội dung yêu cầu, đồng thời theo Công văn số 326/TA-DS ngày 23/6/2025 của Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp thể hiện Toà án không còn mẫu so sánh để cung cấp cho Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp do đương sự Nguyễn Minh R (người yêu cầu giám định) xác nhận không cung cấp thêm tài liệu mẫu so sánh. Vì vậy, không có cơ sở để khẳng định anh R, chị T nhận tiền vay là 1.400.000.000 đồng từ anh B, đã trả được 1.000.000.000 đồng, chỉ còn nợ tiền gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi là 350.000.000 đồng như lời anh R, chị T trình bày.

[4] Qua phân tích trên cho thấy, vợ chồng chị T, anh R thừa nhận có ký tên hợp đồng vay tiền ngày 26/4/2024 và tại phiên tòa sơ thẩm đều xác nhận có nợ số tiền là 750.000.000 đồng, đến tại phiên phiên tòa phúc thẩm vẫn không cung cấp được chứng cứ chứng minh tiền lãi nhập vốn, nên anh R, chị T phải có nghĩa vụ trả số tiền vốn vay 750.000.000 đồng cho anh B là phù hợp.

[5] Về tiền lãi: Anh B và vợ chồng chị T đều trình bày là vay có lãi, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày 26/4/2024, nhưng hai bên khai không thống nhất về mức lãi suất. Nay anh B yêu cầu áp dụng mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp quy định của pháp luật và Tòa án cấp sơ thẩm tính tiền lãi kể từ ngày 26/5/2024 theo yêu cầu của anh B là có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên toà phúc thẩm, anh B tự nguyện giảm số tiền lãi 27.070.000 đồng cho chị T, anh R. Xét thấy sự tự nguyện này của anh B là

đúng quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và có lợi cho chị T, anh R nên Hội đồng xét xử chấp nhận, sửa một phần bản án sơ thẩm về nội dung này.

Đối với cách tuyên về lãi suất chậm thi hành án của Toà án cấp sơ thẩm là chưa phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất và phạt vi phạm, nên Toà án cấp phúc thẩm tuyên sửa lại cho phù hợp.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị T, anh R. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh B, buộc chị T, anh R trả cho anh B số tiền 750.000.000 đồng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh B về việc giảm lãi cho chị T, anh R; sửa lại cách tuyên về lãi suất chậm thi hành án, nên sửa một phần bản án sơ thẩm về các nội dung này.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm, các bị đơn không phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi 24.070.000 đồng, mà chỉ phải trả cho nguyên đơn 750.000.000 đồng, nên phải chịu án phí là 34.000.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm, nên các bị đơn không phải chịu án phí. Các bị đơn được nhận lại 600.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0012860 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (cũ).

[8] Xét thấy phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ nên chấp nhận.

[9] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn Nguyễn Thị Kiều T và Nguyễn Minh R.

Chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn Phạm Đình B về việc giảm số tiền lãi 24.070.000 đồng cho các bị đơn.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 170/2024/DS-ST ngày 21/9/2024 của Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (cũ) (Nay là Toà án nhân dân khu vực 6 – Đồng Tháp).

Căn cứ vào Điều 26, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 357, 468 của Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Phạm Đình B.

2. Buộc các bị đơn Nguyễn Thị Kiều T và Nguyễn Minh R có nghĩa vụ phải trả cho nguyên đơn Phạm Đình B số tiền 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng).

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất được quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Các bị đơn Nguyễn Thị Kiều T, Nguyễn Minh R phải chịu 34.000.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Các bị đơn Nguyễn Thị Kiều T, Nguyễn Minh R không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được nhận lại 600.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0012860 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (cũ).

Nguyên đơn Phạm Đình B được nhận lại số tiền 17.150.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0012481 ngày 19/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (cũ).

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng GĐKT, TTr, THA TAND tỉnh ĐT;
- TAND Khu vực 6- ĐT;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tuấn Anh